

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I (2025 – 2026)
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 11

			Mức độ nhận thức				
T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng % điểm
1	Đọc	Truyện ngắn hiện đại	2 (câu) 10%	2 (câu) 20%	1 (câu) 10%	1 (câu) 10%	6 (câu) 50 %
		Thơ trữ tình hiện đại					
		Văn nghị luận					
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh; Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	1*	1*	1*	1*	1 50%
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100 %
Tỉ lệ chung			60%		40%		

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng %

1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu các văn bản: (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) 1. Truyện ngắn hiện đại	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn hiện đại. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn hiện đại. - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn hiện đại. Thông hiểu: - Xác định được biện pháp tu từ nghệ thuật. Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật đó trong văn bản. - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn hiện đại. - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.	2 10%	2 20%	1 10%	1 10%	6 50%
---	-----------------	--	---	----------	----------	----------	----------	----------

			- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản. Vận dụng cao: - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.					
		2. Thơ hiện đại	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong					

			thơ. Thông hiểu: - Xác định được biện pháp tu từ nghệ thuật. Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật đó trong văn bản. - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. Vận dụng cao:					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			- Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ. - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.					
		3. Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản. - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định được biện pháp tu từ nghệ thuật. Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật đó trong văn bản. - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với					

			nhân đề văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản. Vận dụng cao: Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.					
2	LÀM VĂN	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh; Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.	1*	1*	1*	1*	50%

		- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100%
Tỉ lệ chung			60%		40%		

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1. CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

1. Truyện ngắn hiện đại

- **Truyện ngắn** là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy

nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chặt chẽ, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật.

- **Truyện ngắn hiện đại** là khái niệm được dùng để phân biệt với truyện ngắn trung đại (truyện ngắn thời trung đại). Tuy có mặt tương đồng về dung lượng với truyện ngắn trung đại nhưng truyện ngắn hiện đại có những đặc điểm riêng. *Về đề tài*, truyện ngắn hiện đại nghiêng về những câu chuyện của đương thời, của đời sống thường nhật, không nhất thiết phải hướng tới những nhân vật và sự kiện kì lạ, phi thường. *Về cấu trúc*, truyện ngắn hiện đại thường được tổ chức xoay quanh một lát cắt của đời sống, ít thể hiện tham vọng bao quát toàn bộ sự kiện hay số phận nhân vật. *Về xây dựng tính cách*, truyện ngắn hiện đại quan tâm diễn tả những thay đổi về tâm lí, ứng xử của nhân vật trong quá trình phát triển của câu chuyện. *Về nghệ thuật trần thuật*, truyện ngắn hiện đại thường có sự chuyển đổi linh hoạt điểm nhìn và sử dụng ngôn ngữ gần gũi hơn với đời thường, trong đó việc miêu tả nét riêng của ngôn ngữ nhân vật được đặt biệt chú trọng.

2. Câu chuyện và truyện kể

- **Câu chuyện** (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian.
- **Truyện kể** gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ điểm nhìn nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân

vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...); Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.

Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng cũng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật. Điều này tạo nên tính đối thoại của tác phẩm và đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. Trong khi đó, **lời nhân vật** là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...).

BÀI 2. CẤU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

1. Cấu tử trong thơ

Cấu tử là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tử gắn liền với

việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm. Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa cấu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu cấu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ **tượng trưng** trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của **yếu tố tượng trưng**. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ. Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của

nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc... bằng những cách thức khác nhau. Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

3. Ngôn ngữ văn học

Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn. Bởi vậy, ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. Tính hình tượng và tính thẩm mỹ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,...

Đa nghĩa là một trong những tính chất rất nổi bật của ngôn từ trong tác phẩm văn học. Ở đây, từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

BÀI 3. CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

1. Cấu trúc của văn bản nghị luận

Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng... Các thành tố đó được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

Là thành tố có tính chất bao trùm, luận đề có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mỗi

quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận.

2. Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận

Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố hỗ trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,... Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

B.YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được:
 - + Một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.
 - + Một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, yếu tố tượng trưng;
 - + Nội dung và ý nghĩa của văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản; mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

2. Viết văn

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận về **một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh; Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)** : Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 11 Kết nối tri thức với cuộc sống – **trang 93,94,95**) và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về **một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh; Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)** theo yêu cầu.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1:

SỞ GD & ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN - ĐÀ LẠT

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản:

Đâu phải thứ gì cũng mua được

[...]Chú Thuận mở túi vải đeo vai lấy cái bánh da lợn cầm nơi tay. Chú bước vào phòng ngủ.

Thằng đang ôm gối nằm chèo queo trên giường, mặt quay vào vách. Chú Thuận nói:

- Ba mua bánh cho con nè! Thằng nhỏ quay mặt ra.

- Con không ăn đâu!

- Con đau bụng hả?

Thằng lắc đầu. Chú cúi xuống đỡ Thằng ngồi dậy. Chú đặt tay lên trán Thằng thấy nhiệt độ bình thường. Chỉ có đôi mắt nó đỏ hoe và còn ngấn nước mắt. Chú Thuận hỏi:

- Con không thuộc bài bị cô giáo phạt?

Thằng lắc đầu: [...]

- Hồi chiều, thằng Tín mang tới lớp một chiếc xe hơi “điện tử”, có thể điều khiển xe queo phải queo trái nhờ một cái hộp nhỏ. Con xin nó cho con lái thử nhưng nó không cho.

- Nó không cho thì thôi, có chi mà tức?

Thằng nhăn mặt.

- Đâu phải vậy? Nó không cho mượn, con nói không cần. Con sẽ về nói ba mua cho con một chiếc giống vậy. Thằng Tín nhăn mũi cười, rồi nó nói sao ba biết không?

Chú Thuận lắc đầu cười.

- Ai biết nó nói sao?

- Nó nói: “Đồ chơi này bên Mỹ gửi về, ba mày là công nhân, sức mấy có tiền mà mua”.[...]

- Thằng Tín nói đúng con à! Ba không có tiền mua cho con chiếc xe giống như nó đâu.

- Vậy con chịu thua thằng Tín sao? Chú Thuận suy nghĩ một hồi rồi nói:

- Được rồi. Tối nay ba sẽ làm cho con một đồ chơi độc đáo. Bảo đảm thằng Tín sẽ chạy theo con năn nỉ cho nó mượn.

- Sức mấy mà nó năn nỉ con. Nó sẽ về nói ba nó mua cho nó. Nhà nó giàu lắm ba à!

- Con tin ba đi. Đâu phải thứ gì cũng mua được!

[...]Tới 1 giờ chiều, học sinh lớp 4A mới vào lớp, nhưng hơn 12 giờ tụi nhỏ đã tụ tập trước hiên xem thằng Tín biểu diễn lái xe hơi “điện tử”.[...] Đột nhiên, có tiếng gì như chim kêu làm bọn trẻ đang ồn ào liền im lặng lắng nghe.[...] Cả bọn nhẹ bước vào lớp học. Thằng Tín cũng ôm chiếc xe vào theo. Thằng đang ngồi trên thành cửa sổ thổi một ống sáo dài chừng gang tay. Nó bịt mở các lỗ trên ống sáo làm phát ra những tiếng kêu khác nhau. Chiếc sáo đó, ba Thằng đã thức suốt đêm để làm.[...]

Cả bọn trẻ đều đứng trố mắt nhìn Thăng. Một đứa xuýt xoa:

- Chiếc sáo ngộ quá ta!

Một đứa khác quả quyết:

- Đó là ống tiêu. Bác Năm tao cũng có một ống giống y vậy.

Một đứa khác – chắc là đứa giỏi văn – nói:

- Đó là ống dịch “thần thông”

Thằng Tín cũng say mê ngó Thăng. Nó cầm chiếc xe hơi đến gạ:

- Mày cho tao mượn ống sáo, tao cho mày mượn chiếc xe “điện tử”.

Thăng lắc đầu, miệng vẫn thổi sáo. Thằng Tín nói:

- Mày bán bao nhiêu, tao mua!

Thăng nhảy xuống khỏi thành cửa sổ. Nó cầm ống sáo đứng chống nạnh nhìn Tín. Rồi bắt chước ba, Thăng nói lớn:

- Đâu phải thứ gì cũng mua được!

(Đoàn Thạch Biền, Trích *Đâu phải thứ gì cũng mua được*,
Tuyển tập truyện ngắn dành cho thiếu nhi, NXB trẻ, 2009, tr.25- 30)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định ngôi kể trong văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm). Xác định lời người kể chuyện trong đoạn văn sau:

- Ba mua bánh cho con nè! Thăng nhỏ quay mặt ra.

- Con không ăn đâu!

- Con đau bụng hả?

Câu 3. Qua những hành động của chú Thuận đối với con mình, thể hiện chú là một người như thế nào? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu nói “Đâu phải thứ gì cũng mua được”? (1,0 điểm)

Câu 5. Từ nội dung văn bản, hãy rút ra một thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất. Lý giải. (1,0 điểm)

Câu 6. Bài học anh/chị rút ra được sau khi đọc văn bản. (Trả lời 5-7 dòng) (1,0 điểm)

II. VIẾT (5.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về ý nghĩa của phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội.

-----Hết-----

ĐỀ 2:

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN - ĐÀ LẠT

ĐỀ THAM KHẢO

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản:

*(1) Tuổi thơ tôi bắt ngát cánh đồng
cỏ và lúa, và hoa hoang quả dại
vỏ ốc trắng những luống cày phơi ải
bờ ruộng bùn lấm tẩm dầu chân cua.*

*(2) Tuổi thơ tôi trắng muốt cánh cò
con sáo mỏ vàng, con chào mào đỏ đít
con chim trả bắn mũi tên xanh biếc
con chích choè đánh thức buổi ban mai.*

*(3) Tuổi thơ tôi cứ ngỡ mất đi rồi
năm tháng trôi qua không bao giờ chảy lại
cái năm tháng mong manh mà vững chãi
con đất đai tươi rói mãi đây này.*

*(4) Người ở rừng mang vết suối vết cây
người mạn bể có chút sóng chút gió
người thành thị mang nét đường nét phố
như tôi mang dầu ruộng dầu vườn.*

*(5) Con dầu chìm chạm trở ở trong xương
thời thơ ấu không thể nào đánh đổi
trọn kiếp người ta chấp chờn nguồn cội
có một miền quê trong đi đứng nói cười.*

*(6) Tuổi thơ nào cũng sẽ hiện ra thôi
dầu chúng ta cứ việc già nua tắt
xin thương mến đến tận cùng chân thật
những miền quê gương mặt bạn bè.*

(Nguyễn Duy, *Tuổi thơ*, NXB Tác phẩm mới, 1984, tr.12)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên viết theo thể thơ gì? (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ trong khổ thơ (2). (1,0 điểm)

Câu 4. Qua bài thơ, nhà thơ muốn gửi gắm tâm sự gì? (1,0 điểm)

Câu 5. Anh/ Chị có đồng tình với quan niệm: “*thời thơ ấu không thể nào đánh đổi*” của nhà thơ không? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 6. “*Năm tháng trôi qua không bao giờ chảy lại*”, anh/ chị cần làm gì để không phải nuối tiếc năm tháng đã trôi qua? (Trả lời 5-7 dòng) (1,0 điểm)

II. VIẾT (5.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về sự cần thiết phải trân trọng những kỉ ức đẹp trong cuộc sống mỗi người.

-----Hết-----

ĐỀ 3:

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN - ĐÀ LẠT

ĐỀ THAM KHẢO

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản:

Nhà tâm lí học Angela Lee Duckworth đã bỏ ra nhiều năm tìm hiểu về chìa khoá để thành công. Sau thời gian nghiên cứu, bà chỉ ra rằng: Điều cơ bản làm nên thành công của con người là sự bền bỉ. Bà nói: “Bền bỉ là sự đam mê, tính kiên trì cho những mục tiêu dài hạn. Bền bỉ là có khả năng chịu đựng khó khăn. Bền bỉ là tập trung vào tương lai của mình một cách liên tục, không phải tính theo tuần, theo tháng mà là năm. Bền bỉ là làm việc thật chăm chỉ để biến tương lai thành hiện thực. Bền bỉ là việc sống một cuộc đời như thể nó là một cuộc chạy marathon, chứ không phải là một cuộc đua nước rút”. Không phải chỉ số IQ, không phải ngoại hình, hay sức mạnh thể chất, hay kỹ năng xã hội. Sự bền bỉ là yếu tố quyết định để thành công.

Sân vườn nhà tôi có bày những cái ghế đá, trên một trong những cái ghế ấy có khắc

dòng chữ: “Cây kiên nhẫn đắng chát nhưng quả nó rất ngọt.” Nếu không có những giờ ngồi kiên trì từ ngày này qua ngày khác trong phòng suốt nhiều năm liền của những con người bền bỉ cống hiến như thế, chúng ta đã không có Hesman, One Piece, Sherlock Holmes, Tarzan, Doraemon. Không có sự bền bỉ, sẽ không có bất cứ thứ gì vĩ đại được sinh ra trên đời. Bóng đèn điện, định luật bảo toàn năng lượng, thuyết tương đối, máy bay và nhiều phát minh khác. Nếu không có những giờ kiên tâm hy sinh thầm lặng hay nhẫn nại làm việc của con người, nhân loại sẽ tổn thất biết bao.

Hôm trước một anh bạn gửi cho tôi câu danh ngôn: “Những người đứng đầu trên thế giới đều là những người bình thường với ý chí phi thường”. Nên ta làm gì không quan trọng. Quan trọng là ta có làm cho đến khi ra được kết quả mong muốn hay không. Người ta thường nhấn mạnh tới việc sống phải có ước mơ, hoài bão nhưng theo tôi cái khó là kiên trì từng ngày vươn tới nó.

(Rosie Nguyễn, Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu,
NXB Nhã Nam, 2017, tr.22)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Để làm rõ luận đề, tác giả đã đưa ra những luận điểm nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được dùng trong đoạn văn sau: “Bền bỉ là sự đam mê, tính kiên trì cho những mục tiêu dài hạn. Bền bỉ là có khả năng chịu đựng khó khăn. Bền bỉ là tập trung vào tương lai của mình một cách liên tục, không phải tính theo tuần, theo tháng mà là năm. Bền bỉ là làm việc thật chăm chỉ để biến tương lai thành hiện thực. Bền bỉ là việc sống một cuộc đời như thể nó là một cuộc chạy marathon, chứ không phải là một cuộc đua nước rút”. (1,0 điểm)

Câu 4. Phân tích mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên. (1,0 điểm)

Câu 5. Anh /Chị có đồng tình với quan điểm “Điều cơ bản làm nên thành công của con người là sự bền bỉ” của tác giả bài viết hay không? Lý giải? (1,0 điểm)

Câu 6. Thông điệp có ý nghĩa nhất đối với anh /chị qua văn bản? (Trả lời 5-7 dòng) (1,0 điểm)

II. VIẾT (5.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về ý nghĩa của sự cống hiến trong cuộc sống.

-----**Hết**-----

